

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đông Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Hương và bà Đoàn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST- HNGĐ ngày 5 tháng 05 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ánh H**, sinh năm 1988

HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở: Thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tr vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Tr tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/12/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh Tr tại địa phương thôn Đ, xã B. Vợ chồng sống hòa thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên rượu chè, cờ bạc và nhiều lần có hành vi bạo lực với chị, không quan tâm đến vợ con, mặt khác giữa bản thân chị và bố mẹ anh Tr cũng bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, bố mẹ anh Tr thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị. Bản thân anh Tr không cảm thông chia sẻ với chị mà còn thường xuyên gây áp lực tinh thần khiến chị H cảm thấy cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, bế tắc. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng chị H đã nhiều lần phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q sống một thời gian yên ổn chị lại quay về, tuy nhiên từ tháng 3 năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn và sống ly thân với anh Tr. Đến nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Tr nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Mai H, sinh ngày 09/6/2016 và Nguyễn Duy M sinh ngày 13/12/2018, hiện nay cháu M còn nhỏ đang sống cùng chị H, còn cháu H đang sống cùng anh Tr. Ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu M và đề nghị anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Hiện nay chị H đang đi làm công nhân may thu nhập từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng và có nhà ở tại xã Q nên hoàn toàn đủ điều kiện nuôi con, hai vợ chồng không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Tr không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó Tòa án phải tiến hành xác minh, ghi lời khai của anh Tr tại địa phương xã B.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Tr ngày 06/7/2020 tại UBND xã B thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất như lời khai của chị H. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Tr cho rằng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày, nhiều lần vợ chồng cãi nhau anh có tát chị H là do chị H hỗn láo, còn bố mẹ anh mặc dù khó tính nhưng vì chị H cư xử không tốt nên mới thường xuyên bị mắng chửi. Hiện nay chị H đã đưa con M về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q sống không quay

về sống cùng anh nữa và muốn ly hôn với anh. Quan điểm của anh Tr là muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn. Từ khi vợ chồng ly thân cháu H ở với anh, còn cháu M theo mẹ về ngoại, anh Tr muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nên không đưa ra quan điểm gì về nuôi con khi vợ chồng ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện K thể hiện: Chị H và anh Tr tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, mặc dù chưa có lần nào chính quyền thôn, xã phải đứng ra can thiệp, hoà giải tuy nhiên chị H thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Q sống và từ tháng 3 năm 2020 đến nay không thấy chị H quay về sống cùng anh Tr nữa. Chị H và anh Tr có hai con chung là cháu Nguyễn Mai H và cháu Nguyễn Duy M, cháu M hiện ở với mẹ còn cháu H đang sống cùng bố và ông bà ở thôn Đ, xã B. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Tr, địa phương đề nghị Tòa án xem xét thực tế tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng để giải quyết các mối quan hệ hôn nhân, con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung chị H, anh Tr không có tài sản chung, không vay nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh Tr; giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy M, giao cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mai H hai bên không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai và được quyền thăm nom con chung; về tài sản và nợ chung: không có; về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Bị đơn là anh Nguyễn Văn Tr đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Tr không tham gia tố tụng tại Tòa án, vi phạm nghĩa vụ của đương sự. Tòa án đã tiến hành cách

động tố tụng theo quy định của pháp luật; tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; tiến hành thu thập tài liệu, xác minh chứng cứ hợp pháp. Nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Tr đăng ký kết hôn ngày 10/12/2014 tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Thái bình, quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do phát sinh mâu thuẫn giữa chị H với bố mẹ đẻ anh Tr trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân anh Tr không chia sẻ với chị H mà xa đà rượu chè thiếu sự quan tâm đến gia đình vợ con, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa, anh Tr sử dụng vũ lực với chị H để giải quyết mâu thuẫn. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhiều lần chị H đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở địa phương xã Q sinh sống. Bản thân anh Tr mặc dù không muốn vợ chồng ly hôn tuy nhiên lại không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, đồng thời quá trình tòa án giải quyết vụ án nhiều lần báo anh Tr đến tham gia tố tụng và hòa giải giữa các đương sự tại Tòa án nhưng anh Tr không hợp tác, điều đó thể hiện anh Tr thiếu thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng trong vụ án. Xét thấy trong quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị H, anh Tr đã có nhiều lần vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 18, 19, 21 Luật hôn nhân và gia đình, đã có hành vi bạo lực với chị H; thiếu sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; thiếu sự tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, xử cho chị H được ly hôn anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu M và đề nghị giao cho anh Tr trực tiếp nuôi cháu H. Xét thấy hiện nay cháu M còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị H đã chủ động sắp xếp, bố trí chỗ ở cùng với bố mẹ đẻ ở địa phương xã Q, chị H có việc làm, thu nhập ổn định, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu M cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu H từ khi vợ chồng ly thân cháu ở với anh Tr và bố mẹ đẻ anh Tr, về điều kiện sinh hoạt, học tập đảm bảo, ổn định, do đó cần tiếp tục giao cháu H cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo đề nghị của chị H là đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cháu và phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh Tr đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì vậy việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị H và anh Tr đều được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều khai không có.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Ánh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị Ánh H được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. **Về quan hệ con chung:** Giao cho chị Phạm Thị Ánh H trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Duy M, sinh ngày 13/12/2018; Giao cho anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Mai H, sinh ngày 09/6/2016. Chị H và anh

Trước quyền và nghĩa vụ hãm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có..

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ánh H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001572 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương. Như vậy chị H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện K
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: hồ sơ, vp.

(đã ký)

Vũ Đông Giang